

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 19/2022/DS-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2022
V/v: "Tranh chấp về chia di sản
thừa kế theo pháp luật"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Thanh Hương, bà Vũ Thị Thu Liễu

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: ông Đặng Anh Tuấn, kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1947, có mặt

Nơi cư trú: thôn VG, xã LN, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Dương Hiệp, sinh năm 1993; địa chỉ: Văn phòng luật sư Đức Chiến; TDP Đội Cấn, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1955, có mặt

Nơi cư trú: thôn VG, xã LN, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc ***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1 Bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1953, có mặt

Nơi cư trú: thôn Mới, xã Tân Tiến, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

3.2. Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1958, có mặt

3.3. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1961, có mặt

Nơi cư trú: thôn VG, xã LN, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2019, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị C và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Dương Hiệp trình bày:

Bố mẹ đẻ của bà C là cụ Đỗ Văn Tha và cụ Dương Thị Cọc là vợ chồng hợp pháp, các cụ có 05 người con là: Đỗ Thị C, Đỗ Thị C1, Đỗ Thị V, Đỗ Thị L và Đỗ Văn Th (các cụ không có con riêng, không có con nuôi). Năm 1993 cụ Tha chết, năm 1962 cụ Cọc chết; các cụ chết đều không để lại di chúc.

Tài sản chung của hai cụ để lại là thửa đất số 44 tờ bản đồ 01, diện tích 200m² tại thôn Văn Giang, xã LN. Thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ ngày 10/8/1992 mang tên cụ Đỗ Văn Tha (tất cả là đất ở). Theo kết quả đo đạc mới nhất, thì thửa đất có diện tích 203,4m²; do hình thể, các chiều, cạnh của thửa đất không có sự thay đổi, biến động, nên bà xác định diện tích của thửa đất là 203,4m² để phân chia thừa kế.

Năm 1962 cụ Cọc chết, thì cụ Tha sử dụng thửa đất, nuôi dưỡng và sinh sống cùng với các con trên đất từ đó đến năm 1993 thì cụ Tha chết; khi cụ Tha chết thì thửa đất do bà C và bà V quản lý, sử dụng. Tài sản trên đất hiện nay có nhà cấp IV, bếp, sân gạch, các công trình phụ (đều đã cũ, hỏng) và một số cây cối giá trị thấp. Toàn bộ số tài sản này là do bà C, bà V tạo lập nên.

Quá trình quản lý, sử dụng di sản do bố mẹ để lại, bà C đã họp gia đình để phân chia di sản thừa kế, nhưng các bên không thống nhất được (do ông Th được các chị em gái chia cho 50m² đất, nhưng không đồng ý phân chia).

Bà C khởi kiện và đề nghị Tòa án:

- Chia thừa kế thửa đất số 44 tờ bản đồ 01, diện tích 203,4m² nêu trên cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: bà C, ông Th, bà C1, bà V, bà L.
- Đề nghị xem xét đến công sức quản lý, bảo vệ, tôn tạo di sản của bà và bà V.
- Các bà V, L, C1 đã cho bà suất thừa kế của họ. Bà đồng ý nhận và đề nghị chia cho bà bằng diện tích đất.
- Trường hợp, chia thừa kế bằng diện tích đất mà trên đất có tài sản, thì bà đồng ý giao luôn tài sản trên đất cho người được chia sở hữu, không phải thanh toán giá trị tài sản cho bà.
- Về chi phí tố tụng: Bà đã nộp chi phí xem xét thẩm định tài sản; đo đạc diện tích đất; định giá tài sản. Bà tự nguyện chịu nộp, không đề nghị xem xét trong vụ án.
- Về án phí: Bà xin được miễn án phí sơ thẩm.

Bị đơn là ông Đỗ Văn Th trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Tha và cụ Cọc sinh được 05 người con, năm sinh, năm mất, như nguyên đơn là bà C trình bày là đúng. Ông cũng xác định tài sản chung của cụ Tha và cụ Cọc để lại; tài sản trên đất như bà C trình bày là đúng. Sở dĩ trước đây ông không đồng ý phân chia di sản vì tài sản do bố mẹ ông để lại, chỉ có ông là con trai duy nhất, các chị em gái khác thì đã đi lấy chồng và có cuộc sống riêng; bà C, bà V thì sống trên đất nhưng không lấy chồng, không có con; do vậy, ông muốn con trai ông sẽ nuôi các bà C, bà V khi về già, sau đó sử dụng thửa đất do bố mẹ để lại để làm nơi thờ cúng, sinh hoạt chung cho gia đình sau này. Việc này là phù hợp với đạo đức, truyền thống dân tộc nhưng các chị em gái đã không nhất trí.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 44 tờ bản đồ 01, diện tích 203,4m² nêu trên cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: bà C, ông Th, bà C1, bà V, bà L. Ông đồng ý, tuy nhiên ông đề nghị như sau:

- Vì thửa đất có diện tích bé, khi chia làm 05 phần thì chỉ được khoảng 40m² đất cho mỗi suất thừa kế; các bà C1, V, L đã cho bà C suất thừa kế nên ông muốn được chia khoảng 60 đến 70m² đất, trong đó phần tiếp giáp đường ít nhất là 05m, đủ để sử dụng làm nhà sinh hoạt, thờ cúng sau này.

- Nếu diện tích đất chia cho ông lớn hơn suất của các thừa kế khác, thì ông xin thanh toán bằng tiền cho họ.

- Về án phí: Ông xin được miễn án phí sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các bà Đỗ Thị V, Đỗ Thị L, Đỗ Thị C1 trình bày:

Các bà hoàn toàn đồng ý với lời trình bày và quan điểm giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Đỗ Thị C, không bổ sung gì thêm về nội dung.

Về di sản thừa kế được hưởng: Các bà cho bà C phần thừa kế của mình, đề nghị Tòa án chia cho bà C (bà C không phải thanh toán gì cho các bà).

Về án phí: Các bà đều đã trên 60 tuổi, xin được miễn án phí sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa.

- *Về tuân theo tố tụng, chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Th viên hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/NQ – UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 44 tờ bản đồ 01 tại thôn Văn Giang, xã LN; diện tích 203,4m².

Thanh toán công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo tài sản cho các bà C, bà V 20m² đất. Diện tích đất còn lại là 183,4m² chia đều bằng hiện vật cho các hàng thừa kế; phần của các bà C1, L, V thì chuyển sang cho bà C (không phải thanh toán chênh lệch).

Diện tích còn lại chia cho ông Th; đề nghị HĐXX chia cho ông Th vị trí đất ở vu vục có sân gạch (phía trước ngôi nhà cấp IV – vị trí nhà cấp IV thể hiện trong sơ đồ đất).

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bên đương sự (đều trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí).

Về chi phí tố tụng: Không đề nghị HĐXX giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về thủ tục tố tụng: Các bên đương sự khởi kiện tranh chấp về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xã LN, huyện VT; bị

đơn có nơi cư trú tại xã LN, huyện VT. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù, ngày thụ lý vụ án là 22/02/2022 nhưng qua kiểm tra tại văn phòng, bộ phận nhận đơn khởi kiện của TAND huyện VT xác định được: Ngày các đương sự nộp đơn khởi kiện cho Tòa án là từ tháng 12 năm 2019 và do vậy: Cụ Cọc chết từ những năm 1962 nên thời hiệu khởi kiện là 30 năm, kết thúc vào năm 1992; nhưng theo quy định tại Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thời hiệu khởi kiện tính từ ngày 10/9/1990, do vậy tại thời điểm nhận đơn khởi kiện, thì thời hiệu chia thừa kế vẫn còn. HĐXX tiến hành chia di sản của cụ Cọc theo quy định của pháp luật.

Năm 1962 cụ Cọc chết, qua xác minh thì thời điểm này những người thừa hưởng di sản của cụ gồm: Chồng là cụ Đỗ Văn Tha và 05 người con là C1, C, Th, V, L. Đáng lẽ phải nhập suất di sản mà cụ Tha được hưởng vào khối di sản của cụ Tha để phân chia, nhưng cụ Tha đã chết, các hàng thừa kế thứ nhất không thay đổi. Do vậy, HĐXX xác định toàn bộ tài sản chung của 02 cụ để lại là di sản chung để phân chia cho các bên đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Diện thừa kế, hàng thừa kế: Các đương sự khởi kiện và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Tha, cụ Cọc theo quy định của pháp luật. Do các cụ chết đều không để lại di chúc, nên di sản của các cụ được phân chia theo quy định của pháp luật.

Cụ Tha và cụ Cọc có 05 người con chung (các cụ không có con riêng, không có con nuôi); các cụ chết đều không để lại di chúc, nên di sản của các cụ được phân chia theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là các ông bà: C, C1, V, L và Th.

3.2. Về di sản thừa kế: thửa đất số 44 tờ bản đồ 01, diện tích 203,4m² tại thôn VG, xã LN là di sản chung của cụ Tha và cụ Cọc để lại.

Mặc dù GCNQSDĐ cấp năm 1992 thể hiện thửa đất có 200m² đất ở, nhưng kết quả đo đạc thực tế thì thửa đất có diện tích 203,4m². Qua xác minh xác định được, thửa đất không có biến động diện tích, giữ nguyên hình thể, các chiều, các cạnh từ năm 1992 đến nay, việc sai diện tích là do sai số kỹ thuật đo đạc. Do vậy, HĐXX xác định thửa đất có diện tích 203,4m² (có 3,4m² chưa được cấp GCNQSDĐ) để giải quyết phân chia trong vụ án.

Về tài sản trên đất: Trên thửa đất hiện có một số công trình xây dựng như nhà cấp IV, bếp, sân gạch, công trình phụ ... và một số cây cối. Các bên đương sự đều xác định là tài sản của bà C, bà V; nhưng các bên cũng xác định các tài sản đều đã cũ hỏng hoặc giá trị không lớn. Do vậy các bên đương sự thỏa thuận, diện tích đất chia cho ai thì người đó sử dụng, sở hữu luôn khối tài sản và không phải thanh toán cho bà C, bà V là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

Từ năm 1993, khi cụ Tha mất thì thửa đất do bà C, bà V quản lý sử dụng từ đó đến nay. Do vậy, cần xét đến công lao duy trì, bảo vệ, tôn tạo tài sản của hai bà, theo hướng: Trích 13,4 m² đất trong tổng số 203,4 m² (trong đó 10m² đất ở, 3,4 m² đất

chưa được cấp GCNQSDĐ) cho bà C, bà V. Do bà V đã cho bà C, nên phần này cũng chuyển luôn cho bà C.

Các đương sự trong vụ án là bà C1, bà V, bà L tự nguyện cho tặng toàn bộ suất thừa kế của mình cho bà C. Việc các đương sự cho tặng di sản là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội nên được HĐXX chấp nhận, sẽ chia cho bà C toàn bộ suất thừa kế của bà và các bà C1, V, L.

3.3. Về phân chia di sản thừa kế:

Ông Th là con trai duy nhất của gia đình, theo phong tục tập quán và truyền thống dân tộc sẽ thực hiện nghi lễ thờ cúng tổ tiên, gia đình; vị trí đất chia thừa kế là đất nông thôn, nằm trong xóm, các hộ gia đình sinh sống bằng nghề nông nghiệp. Do vậy, cần chia cho ông diện tích đất đủ lớn và phù hợp để sử dụng, đảm bảo công năng khai thác, sử dụng tài sản. Đối với diện tích đất được chia vượt quá, cần buộc ông thanh toán giá trị bằng tiền cho các C.

Cần chia cho ông Th 48,5m² đất ở kí hiệu 1,5,6,7, 1 (có sơ đồ đất kèm theo) và được sử dụng, sở hữu các tài sản trên đất và không phải thanh toán giá trị tài sản cho ai.

Chia cho bà C toàn bộ 154,9 m² đất còn lại (có 3,4m² đất chưa được cấp GCNQSDĐ), kí hiệu 1,2,3,4,5,1 (có sơ đồ đất kèm theo). Bà C được sử dụng, sở hữu các tài sản trên đất và không phải thanh toán giá trị tài sản cho ai.

Sau khi trừ đi 13,4m² công duy trì, tôn tạo đất cho bà V, bà C thì di sản còn lại là 190m² đất, nếu chia đều thì mỗi suất là 38m². Do vậy ông Th được chia vượt quá 10,5m²; kết quả định giá là 1.000.000đ/01m², do vậy phải thanh toán cho bà C 10.500.000đ.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng: Các đương sự đã nộp chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, đo đạc diện tích đất. Nhưng tự nguyện chịu nộp, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các đương sự đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi), có đơn, yêu cầu xin miễn án phí. Nên được miễn án phí sơ thẩm.

6. *Kiến nghị*: Thừa đất chia thừa kế có 3,4m² đất chưa được cấp GCNQSDĐ, tuy nhiên đã được sử dụng ổn định, hợp pháp, liên tục từ trước năm 1993 đến nay; đủ điều kiện đề cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

HĐXX kiến nghị các bên đương sự, UBND xã LN, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh VT, Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc hoàn thiện các thủ tục đề cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 660; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/NQ – UBTWQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 44 tờ bản đồ 01, diện tích 203,4m² tại thôn VG, xã LN. Cụ Thể như sau:

Chia cho ông Đỗ Văn Th được quản lý, sử dụng 48,5m² đất ở và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất (kí hiệu 1,5,6,7,1; có sơ đồ đất kèm theo).

Chia cho bà Đỗ Thị C được quản lý, sử dụng 154,9m² đất (bao gồm 151,5m² đất ở, 3,4m² đất chưa được cấp GCNQSDĐ) và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất (kí hiệu 1,2,3,4,5,1; có sơ đồ đất kèm theo).

Buộc ông Đỗ Văn Th phải thanh toán chênh lệch cho bà Đỗ Thị C số tiền 10.500.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà C có yêu cầu thi hành án. Nếu ông Th không thanh toán đủ số tiền 10.500.000đ nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho các đương sự

3. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã LN; VT;
- Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc;
- VPĐKĐĐ chi nhánh VT;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thành Công

